

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II. NĂM HỌC: 2024 - 2025
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8
PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 8

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	
Phân môn Địa lí						
1	Chương 3: Thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam.	1. Thổ nhưỡng Việt Nam: – Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng. – Đặc điểm và sự phân bố và giá trị sử dụng của các nhóm đất chính... 2. Sinh vật Việt Nam: – Đặc điểm chung của sinh vật VN. – Vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam...	3	1		22,5
2	Chương 4: Biển đảo Việt Nam	1. Phạm vi biển Đông. Vùng biển đảo và đặc điểm vùng biển đảo Việt Nam	3		1	22,5
		2. Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam	2			5
Tỉ lệ			20%	15%	15%	50%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II - NĂM HỌC: 2024 - 2025

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8
PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 8

TT	Chương/ Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Chương 3: Thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam.	*Nhận biết: – Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính. – Đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam. *Thông hiểu: – Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam. *Vận dụng: – Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất.	3	1	
2	Chương 4: Biển đảo Việt Nam	*Nhận biết: - Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam. - Tài nguyên biển-đảo Việt Nam *Vận dụng: - Phân tích được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam. - Giải thích tại sao địa hình ven biển nước ta đa dạng. - Giải thích Vì sao lượng mưa trên biển nước ta ít hơn trên đất liền và gió trên biển mạnh hơn trên đất liền... - Chứng minh địa hình ven biển nước ta đa dạng chủ yếu là do tác động kết hợp của sóng biển, thủy triều, sông ngòi và hoạt động kiến tạo.	5		1
Số câu/ loại câu			8 câu TN	1 câu TL	1 câu TL
Số điểm			2,0	1,5	1,5
Tỉ lệ %			20%	15%	15%

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ: (5 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) (Lựa chọn 01 đáp án đúng nhất và ghi vào giấy làm bài)

Câu 1. Độ muối của biển Việt Nam, trung bình là

- A. 32-33‰. B. 32-34‰. C. 33-34‰. D. 33-35‰.

Câu 2. Trong các hệ sinh thái, hệ sinh thái nào sau đây ngày càng mở rộng?

- A. Hệ sinh thái ngập mặn. B. Hệ sinh thái nông nghiệp.
C. Hệ sinh thái nguyên sinh. D. Hệ sinh thái tre nứa.

Câu 3. Vịnh biển đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới là

- A. Vịnh Nha Trang. B. Vịnh Vân Phong. C. Vịnh Cam Ranh. D. Vịnh Hạ Long.

Câu 4. Đặc điểm chung của đất phù sa là

- A. nghèo chất dinh dưỡng. B. tầng đất dày, phì nhiêu.
C. tầng đất mỏng, bị chua. D. phì nhiêu, nhiều cát.

Câu 5. Đặc điểm nào không đúng với đất feralit?

- A. Rất giàu chất khoáng. B. Lớp vỏ phong hóa dày.
C. Thoáng khí, thoát nước. D. Đất chua, nghèo mùn.

Câu 6. Hệ sinh thái nào sau đây thuộc hệ sinh thái tự nhiên dưới nước?

- A. Trảng cỏ, cây bụi. B. Rừng mưa nhiệt đới.
C. Rừng nhiệt đới gió mùa. D. Rừng ngập mặn, cỏ biển.

Câu 7. Quần đảo có diện tích lớn nhất nước ta là

- A. Hoàng Sa. B. Thổ Chu. C. Trường Sa. D. Nam Du.

Câu 8. Nguyên nhân tự nhiên nào dẫn đến suy giảm đa dạng sinh học ở Việt Nam?

- A. Hoạt động khai thác lâm sản của con người.
B. Biến đổi khí hậu với các hệ quả: bão, lũ, hạn hán,...
C. Hoạt động đánh bắt thủy sản quá mức.
D. Tình trạng đốt rừng làm nương rẫy.

II. TỰ LUẬN: (3.0 điểm)

Câu 1: (1.5 điểm) Trình bày những nguyên nhân làm suy giảm đa dạng sinh học ở Việt Nam?

Câu 2: (1.5 điểm) Nêu và phân tích đặc điểm địa hình vùng biển – đảo Việt Nam? Giải thích tại sao gió trên biển mạnh hơn trên đất liền?

-----HẾT-----

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ: (5 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) (Lựa chọn 01 đáp án đúng nhất và ghi vào giấy làm bài)

Câu 1. Việt Nam và Trung Quốc kí phân định vịnh Bắc Bộ vào thời gian:

- A. 20-11-2000. B. 25-12-2000. C. 25-12-2003. D. 25-12-2005.

Câu 2. Hệ sinh thái nào sau đây thuộc hệ sinh thái tự nhiên trên cạn?

- A. Rừng ngập mặn, cỏ biển. B. Đầm phá ven biển.
C. Rừng mưa nhiệt đới. D. Rạn san hô, rừng ôn đới.

Câu 3. Nhóm đất phù sa sông và biển phân bố ở

- A. vùng đồi núi. B. các cao nguyên.
C. vùng núi cao. D. các đồng bằng.

Câu 4. Vùng biển của Việt Nam nằm trong khí hậu

- A. Cận nhiệt gió mùa. B. Ôn đới gió mùa.
C. Nhiệt đới gió mùa. D. Xích đạo ẩm.

Câu 5. Rừng trồng cây lấy gỗ, cây công nghiệp thuộc hệ sinh thái nào sau đây?

- A. Hệ sinh thái nông nghiệp. B. Hệ sinh thái tự nhiên.
C. Hệ sinh thái công nghiệp. D. Hệ sinh thái nguyên sinh.

Câu 6. Đảo ven bờ nước ta có diện tích lớn nhất là

- A. Cồn Cỏ. B. Lý Sơn. C. Cát Bà. D. Phú Quốc.

Câu 7. Năm 2019 tổng sản lượng thủy sản cho phép khai thác bền vững ở vùng biển Việt Nam, gần

- A. 1,5 triệu tấn. B. 1,55 triệu tấn. C. 2,5 triệu tấn. D. 3,87 triệu tấn.

Câu 8. Địa hình thềm lục địa ở miền Trung nước ta có đặc điểm:

- A. hẹp và sâu. B. bằng phẳng. C. rộng, nông. D. nông và hẹp.

II. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu 1: (1,5 điểm) Trình bày những biện pháp để bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam?

Câu 2: (1,5 điểm) Nêu và phân tích đặc điểm khí hậu vùng biển – đảo Việt Nam? Giải thích tại sao gió trên biển mạnh hơn trên đất liền?

-----HẾT-----

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ:

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	D	B	A	D	C	B

II. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu 1: (1,5 điểm)	Những nguyên nhân làm suy giảm đa dạng sinh học ở Việt Nam: - Các yếu tố tự nhiên: Do biến đổi khí hậu với những hệ quả như: bão, lũ lụt, hạn hán, cháy rừng... làm suy giảm đa dạng sinh học nhanh hơn, trầm trọng hơn, nhất là các hệ sinh thái rừng và hệ sinh thái ven biển... - Hoạt động của con người: khai thác lâm sản, đốt rừng làm nương rẫy, du canh du cư, đánh bắt quá mức, ô nhiễm môi trường do chất thải sinh hoạt và sản xuất, sự xâm nhập của các loài ngoại lai...	0.75 0.75
Câu 2: (1,5 điểm)	a. Địa hình vùng biển đảo Việt Nam: - Địa hình ven biển rất đa dạng, bao gồm: vịnh cửa sông, bờ biển mài mòn, tam giác châu, các bãi cát phẳng, cồn cát, đầm phá, vũng vịnh nước sâu,... - Địa hình thềm lục địa: rộng, bằng phẳng ở phía bắc và phía nam, hẹp và sâu ở miền Trung. - Địa hình đảo: Có nhiều đảo (Đảo ven bờ có dt lớn nhất là Phú Quốc) và nhiều quần đảo, trong đó có 2 quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa. b/ Gió trên biển mạnh hơn trên đất liền. Vì: - Mặt biển, mặt sông, mặt hồ ...đều có ít vật cản hơn trên đất liền, cho nên lực cản đối với sự chuyển động của không khí sẽ nhỏ. - Trong khi trên đất liền do mặt đất không bằng phẳng, hơn nữa có rất nhiều vật cản như đồi núi, các công trình kiến trúc..., không khí di chuyển sẽ gặp rất nhiều cản trở, vì thế mà gió thổi trên đất liền luôn nhỏ hơn mặt nước rất nhiều.	0,5 0.25 0.25 0.25 0.25

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ:

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	D	C	A	D	B	A

II. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu 1: (1,5 điểm)	Một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta: - Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia nhằm bảo vệ và khôi phục một số hệ sinh thái tự nhiên, rừng nguyên sinh và động thực vật quý hiếm. - Trồng và bảo vệ rừng tự nhiên- nơi sinh sống của nhiều loài sinh vật. - Ngăn chặn nạn phá rừng, săn bắt động vật hoang dã trái phép, khai thác đánh bắt thủy sản quá mức... - Xử lý các chất thải công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường sống của các loài sinh vật. - Nâng cao ý thức người dân về bảo vệ sự đa dạng sinh học...	0.5 0.25 0.25 0.25 0.25
Câu 2: (1,5 điểm)	a/ Khí hậu vùng biển đảo Việt Nam: - Nhiệt độ bề mặt nước biển TB trên 23⁰C phân hóa Bắc - Nam (tăng dần từ Bắc vào Nam) - Mưa trên biển ít hơn trên đất liền, khoảng trên 1100 mm/năm - Hướng gió đông bắc chiếm ưu thế (T10 đến T4); gió thổi theo hướng đông nam (T5 đến T9), Gió trên biển mạnh hơn trên đất liền. b/ Gió trên biển mạnh hơn trên đất liền. Vì: - Mặt biển, mặt sông, mặt hồ... đều có ít vật cản hơn trên đất liền, cho nên lực cản đối với sự chuyển động của không khí sẽ nhỏ. - Trong khi trên đất liền do mặt đất không bằng phẳng, hơn nữa có rất nhiều vật cản như đồi núi, các công trình kiến trúc..., không khí di chuyển sẽ gặp rất nhiều cản trở, vì thế mà gió thổi trên đất liền luôn nhỏ hơn mặt nước rất nhiều.	0.25 0.25 0,5 0.25 0.25

-----HẾT-----